TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Duy Chấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà***: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2021 "v/v xin ly hôn theo" Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-ST ngày 08/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2021, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn ĐA, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin vắng mặt)

**/ Bị đơn:* Chị Phan Thị Bích N, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn ĐA, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở hiện tại: thôn ĐT, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:* Anh và chị Phan Thị Bích N kết hôn ngày 05/4/2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Nguyễn Tài H, sinh ngày 29/6/2001 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên cãi nhau, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm, anh chị hiện đã hết yêu thương nhau, không đạt được mục đích trong hôn nhân. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Bích N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có với nhau 02 người con (cháu Nguyễn Tài H, sinh ngày 29/6/2001 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008) cháu Nguyễn Tài H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn Hữu T xin giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008 cho chị Phan Thị Bích N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo trình bày của bị đơn chị Phan Thị Bích N trong quá trình giải quyết:* Về nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra những xung đột mâu thuẫn không thể hóa giải được, hiện đã sống ly thân 06 năm, từ năm 2014 đến nay. Với yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu T chị không đồng ý ly hôn, chị cho rằng chồng tôi muốn ly hôn thì phải chuyển mảnh đất rẫy từ bố mẹ chồng sang tên cho con đứng tên thì chị mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Phan Thị Bích N xin nhận nuôi cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Phan Thị Bích N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008 cho chị Phan Thị Bích N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Phan Thị Bích N, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phan Thị Bích N hiện đang sinh sống tại thôn ĐT, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Hữu T (nguyên đơn) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh Nguyễn Hữu T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với chị Phan Thị Bích N (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị Bích N kết hôn vào ngày 05/4/2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tài H, sinh ngày 29/6/2001 đã đủ tuổi trưởng thành và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008. Trong cuộc sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên cãi nhau, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm, anh chị hiện đã hết yêu thương nhau, không đạt được mục đích trong hôn nhân, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hữu T.

2.2 Về con chung: Xét thấy hiện cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008 đang sống cùng chị Phan Thị Bích N, bên cạnh đó anh Nguyễn Hữu T cũng đồng ý giao cháu Nguyễn Gia H cho chị Phan Thị Bích N chăm sóc, do đó cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008 cho chị Phan Thị Bích N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu giải quyết, Bị đơn chị Phan Thị Bích N cũng không có yêu cầu phản tố, hay yêu cầu chia tài sản trong vụ án này nên Toà án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T về việc xin ly hôn chị Phan Thị Bích N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Phan Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/01/2008 cho chị Phan Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Hữu T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Ngọc không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006645 ngày 21/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã M, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh